

THÔNG TƯ số 386-BD ngày 10-3-1972
hướng dẫn việc cấp bằng cho cán
bộ, giáo viên tốt nghiệp hàm thụ
đại học và trung học sư phạm.

Ngày 10 tháng 3 năm 1972, Bộ Giáo dục đã ra quyết định số 177-QĐ về việc cấp bằng tốt nghiệp đại học sư phạm và trung học sư phạm cho những giáo viên, cán bộ theo học tại chức đã tốt nghiệp các kỳ thi hàm thụ đại học sư phạm và trung học sư phạm.

Nay Bộ hướng dẫn cụ thể những đối tượng được cấp bằng và thủ tục cấp bằng như đã quy định trong điều 4 của quyết định.

I. ĐỐI TƯỢNG CẤP BẰNG

1. Cấp bằng tốt nghiệp đại học sư phạm (hệ 2 năm) cho những cán bộ, giáo viên cấp II đã theo học hàm thụ đại học sư phạm hệ 2 năm với thời gian học từ 3 năm trở lên và đã trúng tuyển kỳ thi tốt nghiệp.

2. Cấp bằng tốt nghiệp đại học sư phạm (hệ 3 năm) cho những cán bộ, giáo viên cấp II đã theo học hàm thụ đại học sư phạm hệ 3 năm với thời gian học từ 4 năm trở lên và đã trúng tuyển kỳ thi tốt nghiệp.

3. Cấp bằng tốt nghiệp đại học sư phạm (hệ 4 năm) cho những cán bộ, giáo viên cấp II đã theo học hàm thụ đại học sư phạm hệ 4 năm với thời gian học từ 2 năm trở lên và đã trúng tuyển kỳ thi tốt nghiệp. Đối với những cán bộ giáo viên cấp III về học tập trung một năm tại trường đại học sư phạm sẽ do nhà trường nhận xét cụ thể về chất lượng từng khóa, từng người báo cáo Bộ để giải quyết cấp bằng.

4. Cấp bằng tốt nghiệp trung học sư phạm cho những cán bộ, giáo viên cấp I đã học theo chương trình hàm thụ sư phạm cấp II từ năm 1960 — 1965 với thời gian học từ 3 năm trở lên; chương trình trung học hoàn chỉnh từ năm 1968 đến nay với thời gian học từ 4 năm trở lên và đã trúng tuyển kỳ thi tốt nghiệp.

5. Điều kiện chung cho tất cả những giáo viên, cán bộ được cấp bằng tốt nghiệp đại học sư phạm và trung học sư phạm là từ ngày tốt nghiệp cho đến nay vẫn công tác tốt và không bị kỷ luật về phẩm chất đạo đức.

II. THỦ TỤC CẤP BẰNG

1. Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm và trung học sư phạm hệ tại chức theo đúng mẫu bằng

tốt nghiệp đại học sư phạm và trung học sư phạm của các trường lớp tập trung tương đương, nhưng trong bằng ghi thêm câu *thuộc hệ bồi dưỡng tại chức*. Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm do ông hiệu trưởng Trường đại học sư phạm ký. Bằng tốt nghiệp trung học sư phạm do ông Cục trưởng Cục Đào tạo và bồi dưỡng ký.

2. Danh sách những người được cấp bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hệ tại chức của các kỳ thi trước ngày có quyết định số 177-QĐ của Bộ phải do ông Hiệu trưởng Trường đại học sư phạm kiểm tra chặt chẽ từng người đề nghị Bộ duyệt mới được cấp bằng.

3. Danh sách những người được cấp bằng tốt nghiệp đại học sư phạm ở Trường đại học sư phạm và bằng tốt nghiệp trung học sư phạm hệ tại chức của các kỳ thi trước ngày có quyết định số 177-QĐ phải do ông Giám đốc Sở hoặc ông Trưởng ty Giáo dục và ông Hiệu trưởng trường trung học sư phạm bồi dưỡng kiểm tra chặt chẽ, có chữ ký xác nhận của Ủy ban hành chính tỉnh, thành đề nghị Bộ duyệt mới được cấp bằng.

4. Toàn bộ danh sách những người được cấp bằng tốt nghiệp đại học sư phạm và trung học sư phạm của các kỳ thi trước ngày có quyết định số 177-QĐ của Bộ phải đánh thành 6 bản (3 bản lưu ở Bộ, 3 bản lưu ở Trường đại học sư phạm hoặc ở Sở, Ty).

5. Những người tới lĩnh bằng tốt nghiệp đại học sư phạm ở Trường đại học sư phạm và bằng tốt nghiệp trung học sư phạm ở Sở, Ty phải nộp lại cho Trường đại học sư phạm và Sở, Ty giấy chứng nhận tốt nghiệp đã cấp trước kia và giấy nhận xét về công tác, về đạo đức của thủ trưởng đơn vị công tác có chữ ký xác nhận của thủ trưởng cấp trên (phòng huyện đối với cán bộ, giáo viên cấp I, cấp II; Sở, Ty đối với cán bộ, giáo viên cấp III). Các trường đại học sư phạm và các Sở, Ty Giáo dục phải có nhiệm vụ lưu các giấy chứng nhận tốt nghiệp cũ sau khi giáo viên, cán bộ đến lĩnh bằng.

Chủ trương quyết định cấp bằng tốt nghiệp đại học sư phạm và trung học sư phạm cho những người học tập bồi dưỡng tại chức của Bộ là một chủ trương lớn, có ảnh hưởng tích cực tới toàn bộ công tác bồi dưỡng của ngành và đụng chạm đến quyền lợi của đại đa số giáo viên trong ngành. Vì vậy, Bộ yêu cầu các ông Hiệu trưởng Trường đại học sư phạm, các ông

Giám đốc Sở Giáo dục, các ông Trưởng ty Giáo dục và các ông Hiệu trưởng Trường trung học sư phạm bồi dưỡng phải thực hiện thật nghiêm túc các điều quy định trong bản quyết định số 177-QĐ và những điểm quy định trong bản hướng dẫn này.

Hà-nội, ngày 10 tháng 3 năm 1972

K.T. Bộ trưởng Bộ Giáo dục

Thủ trưởng

LÊ LIÊM

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ số 7-BYT/TT ngày 8-3-1972
hướng dẫn việc tính thời gian công
tác cho những người làm việc ở các
cơ sở y tế đã được quốc lập hóa,
đề giải quyết các chế độ về bảo hiểm
xã hội.

Từ sau ngày hòa bình lập lại 20 tháng 7 năm 1954, Chính phủ ta vào tiếp quản các thành phố, thị xã, đã đặt các tổ chức và cơ sở y tế để phục vụ sức khỏe nhân dân. Ngoài các tổ chức y tế của Nhà nước, lúc đó ở các thành phố và thị xã còn có các tổ chức y tế dân lập, các nhà thương tư, hộ sinh tư do tư nhân quản lý, trong các tổ chức này ngoài những chủ tư nhân còn có những nhân viên y tế làm công ăn lương. Năm 1958, Đảng và Chính phủ ta có chủ trương cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, thì các tổ chức này dần dần được quốc lập hóa do Nhà nước quản lý về mọi mặt.

Đề giải quyết chế độ đãi ngộ đối với nhân viên y tế nói trên, sau khi được sự thỏa thuận của Bộ Nội vụ (công văn số 150-HT ngày 15-1-1972) Bộ Y tế ra thông tư này nhằm hướng dẫn việc tính thời gian công tác cho những người làm việc ở các cơ sở y tế đã được quốc lập hóa, đề giải quyết các chế độ ốm đau, thôi việc, về hưu, mất sức lao động, như sau :

I. VỀ TÍNH THỜI GIAN CÔNG TÁC

Có 2 loại được tính thời gian công tác : thời gian công tác nói chung và thời gian công tác liên tục.

1. Được tính thời gian công tác nói chung : là thời gian làm công ăn lương ở các cơ sở y tế (công sở hay tư sở dưới chế độ cũ trước Cách mạng tháng 8-1945 hay ở vùng tạm bị chiếm trong thời gian kháng chiến chống Pháp và thời gian làm việc ở các cơ sở y tế dân lập thuộc các thành phố, thị xã trong kháng chiến chống Pháp và sau ngày hòa bình lập lại ; trừ thời gian làm chủ các bệnh viện tư, hay chủ các nhà hộ sinh tư thì không được tính là thời gian công tác.

2. Được tính thời gian công tác liên tục : là thời gian kể từ ngày các cơ sở y tế dân lập được chuyển sang quốc lập, dù khi đó họ chưa được chính thức tuyên dụng vào biên chế Nhà nước.

Ví dụ 1 : một nữ hộ sinh có thời gian làm việc dưới chế độ cũ ở Bệnh viện Bạch-mai từ tháng 8-1943 đến tháng 8-1945 ; từ tháng 9-1945 đến hết tháng 12-1947 nghỉ về quê ở nông thôn từ tháng 1-1948 đến ngày 10-10-1954 làm việc ở nhà hộ sinh Trần Xuân Soạn (Hà-nội), sau khi Chính phủ ta vào tiếp quản thì vẫn tiếp tục làm việc ở nhà hộ sinh Trần Xuân Soạn cho đến tháng 10-1959 thì nhà hộ sinh này được Nhà nước quốc lập hóa và liên tục công tác từ đó cho đến nay (tháng 12-1971) được tính thời gian công tác như sau :

a) Thời gian công tác nói chung được tính kể từ tháng 8-1943 cho đến tháng 12-1971 tổng cộng là 26 năm, trừ thời gian nghỉ từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1947.

b) Thời gian công tác liên tục, được tính kể từ tháng 10-1959 đến tháng 12-1971 tổng cộng là 12 năm 4 tháng.

Ví dụ 2 : Một nhân viên y tế làm việc ở nhà hộ sinh Ngô Quyền (Hà-nội) từ tháng 10-1954 liên tục công tác đến tháng 10-1959 (ngày Nhà nước quốc lập hóa nhà hộ sinh Ngô Quyền) và cho đến nay, thời gian công tác được tính như sau :

— Thời gian công tác nói chung được tính từ tháng 10-1954 cho đến nay;